

Số: 106/2002/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 9 năm 2002.

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Ban hành quy định về quản lý tổ chức và hoạt động karaoke
nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;
- Căn cứ Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 39/2000/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về cơ sở lưu trú du lịch;
- Căn cứ Nghị định số 08/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ quy định về điều kiện an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- Căn cứ Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT ngày 05 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - thông tin về ban hành Quy chế sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu hành, kinh doanh băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình ca nhạc, sân khấu;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tổ chức và hoạt động karaoke nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Văn hóa thông tin
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP
- Ủy ban nhân dân thành phố
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố và các Đoàn thể
- Văn phòng Thành ủy
- Ban Tư tưởng Văn hóa Thành ủy
- Ban VHXX/HĐND.TP
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tại TP
- Viện Kiểm sát nhân dân TP
- Tòa án Nhân dân TP
- Ban Tổ chức Chính quyền TP
- Báo, Đài
- VPHĐ-UB: Các PVP, các Tổ NCTH
- Lưu (VX-T)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tài

QUY ĐỊNH

Về quản lý tổ chức và hoạt động karaoke nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2002/QĐ-UB
ngày 24 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố).

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Karaoke là hoạt động ca hát theo nhạc có kèm theo lời ca, hình ảnh minh họa được ghi trên băng hình, đĩa hình, đĩa vi tính. Hoạt động karaoke nơi công cộng là một trong các hình thức hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí cho mọi đối tượng, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và bảo đảm phù hợp với bản sắc văn hóa Việt Nam.

Điều 2.- Địa điểm tổ chức hoạt động karaoke nơi công cộng trong quy định này gồm: nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, công viên văn hóa, nhà hát, rạp hát, rạp chiếu bóng, vũ trường, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, quán ăn uống bình dân, các cơ sở kinh doanh phòng hát karaoke và các điểm sinh hoạt văn hóa công cộng khác.

Điều 3.- Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép hành nghề karaoke dựa trên cơ sở quy hoạch hoạt động karaoke nơi công cộng trên địa bàn quận-huyện được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 4.- Quy định này áp dụng cho các hình thức hoạt động karaoke như sau:

1- Tổ chức hoạt động karaoke có mục đích sinh lợi tại các địa điểm tổ chức karaoke nơi công cộng nêu ở Điều 2.

2- Tổ chức hoạt động karaoke mang tính nhất thời, không thu tiền để phục vụ cho phong trào văn hóa văn nghệ nội bộ tập thể của cán bộ, công nhân viên các tổ chức, đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 5.- Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi tổ chức hoạt động karaoke trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định này và các quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6.- Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động karaoke nơi công cộng.

1- Thủ trưởng cơ quan, đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người quản lý tại cơ sở hoạt động karaoke và chủ hộ kinh doanh cá thể phải quản lý chặt chẽ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động diễn ra tại nơi tổ chức hoạt động karaoke, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Nhà nước.

2- Tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn địa điểm để tổ chức hoạt động karaoke nếu có hành vi dung túng, bao che hoặc không giám sát để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3- Tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động karaoke có quyền khiếu nại hoặc tố cáo đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những quyết định xử lý sai hoặc những hành vi sách nhiễu của người thừa hành công vụ khi thanh tra, kiểm tra và quản lý cấp phép các hoạt động karaoke.

Điều 7.- Điều kiện đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh hoạt động karaoke:

1- Địa điểm kinh doanh karaoke cách xa các công sở, cơ quan ngoại giao, trường học, cơ sở y tế, cơ sở tôn giáo từ 100 mét trở lên.

2- Phòng hát karaoke phải có diện tích từ 20m² trở lên.

3- Cửa phòng hát karaoke phải có kính bên ngoài có thể nhìn rõ toàn bộ hoạt động bên trong phòng và không được thiết kế khóa cửa từ bên trong.

4- Số lượng lao động phục vụ trong cơ sở hoạt động karaoke phải phù hợp với quy mô kinh doanh, không vượt quá 2 (hai) lao động phục vụ cho mỗi phòng hát karaoke hoặc 1 (một) lao động phục vụ cho mỗi bàn có quy mô 10 (mười) người trong sảnh phòng lớn hát karaoke.

5- Sử dụng lao động phải ký kết hợp đồng lao động đầy đủ theo quy định của Bộ Luật lao động.

6- Phải đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, an toàn công cộng, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

Điều 8.- Các quy định cấm đối với tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động karaoke.

1- Kinh doanh hoạt động karaoke không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề karaoke, giấy cam kết thực hiện các quy định, điều kiện về an ninh - trật tự.

2- Sử dụng các bài hát, bản nhạc chưa được phép lưu hành hoặc bị cấm lưu hành.

3- Sử dụng các băng, đĩa hình ca nhạc không có dán nhãn kiểm soát của Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc hình ảnh có nội dung độc hại, khiêu dâm, kích động bạo lực.

4- Hoạt động karaoke trong khoảng thời gian từ 24 giờ đến 05 giờ sáng.

5- Âm lượng lọt ra ngoài phòng hát karaoke vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn “Mức ồn tối đa cho phép” (tiêu chuẩn Việt Nam số 5949/1995).

Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn tại khu vực thương mại dịch vụ là:

- Từ 06 giờ đến 22 giờ = 70 decibel

- Từ 22 giờ đến 24 giờ = 50 decibel

(decibel là đơn vị đo âm lượng)

6- ánh sáng trong phòng hát karaoke dưới 10 lux (lux là đơn vị đo ánh sáng).

7- Tiếp nhận khách say rượu vào phòng hát karaoke, bán hoặc để cho khách uống rượu có nồng độ trên 30 độ cồn.

8- Quảng cáo, trưng bày những loại hàng hóa cấm quảng cáo; trang trí, lưu hành tranh ảnh, vật dụng mang tính bạo lực, kinh dị, khiêu dâm.

9- Sử dụng tiếp viên dùng những hành động mang tính khêu gợi tình dục, nhảy múa cuồng loạn để câu khách.

10- Sử dụng người lao động dưới 18 tuổi.

11- Sang nhượng, thuê, mượn hoặc cho thuê, cho mượn giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm tổ chức hoạt động karaoke đã được ghi trong giấy phép hành nghề karaoke và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 9.- Quy định đối với việc tổ chức hoạt động karaoke phục vụ nội bộ.

Các tổ chức, đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp tổ chức hoạt động hát karaoke mang tính nhất thời phục vụ nội bộ, không thu tiền, không phải xin phép nhưng phải đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9 Điều 8 của quy định này.

Điều 10.- Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh karaoke.

1- Tổ chức, cá nhân kinh doanh karaoke phải thực hiện các thủ tục sau đây:

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề karaoke do cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền cấp.

- Có giấy phép hành nghề karaoke do Sở Văn hóa và Thông tin cấp.

- Lập giấy cam kết thực hiện các quy định, điều kiện về an ninh - trật tự nội bộ cho ngành Công an.

2- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài và cơ sở lưu trú du lịch thuộc loại xếp hạng khi kinh doanh karaoke không cần phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng phải làm thủ tục xin cấp giấy phép hành

nghe karaoke và phải lập giấy cam kết thực hiện các quy định, điều kiện về an ninh-trật tự trước khi đi vào hoạt động.

Điều 11.- Quy định về tạm ngừng hoạt động, gia hạn giấy phép hành nghề karaoke.

1- Doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh ngành nghề karaoke mà không tiến hành hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động phải thực hiện nghiêm chỉnh theo điều 15, 16 Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

2- Sở Văn hóa và Thông tin thu hồi giấy phép hành nghề karaoke đối với tổ chức, cá nhân tạm ngừng hoạt động karaoke quá 06 (sáu) tháng mà không báo cáo lý do.

3- Thời hiệu giấy phép hành nghề karaoke là 02 (hai) năm. Tổ chức, cá nhân có chức năng hoạt động karaoke phải tiến hành làm thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề karaoke tại Sở Văn hóa và Thông tin trong thời gian 01 (một) tháng trước khi giấy phép hành nghề hết hạn sử dụng.

Điều 12.- Cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động karaoke.

1- Sở Văn hóa và Thông tin là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động karaoke trên địa bàn thành phố.

2- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an thành phố, Sở Lao động Thương binh và xã hội, Sở Thương mại, Sở Du lịch, Cục Thuế thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực sau: kinh doanh, lao động, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy-chữa cháy, phòng-chống các tệ nạn xã hội trong quá trình hoạt động của các điểm tổ chức hoạt động karaoke; đồng thời phối hợp, trao đổi với Sở Văn hóa và Thông tin về những quy định, biện pháp quản lý của ngành mình trong lĩnh vực hoạt động karaoke.

3- Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động karaoke trên địa bàn, phối hợp với các ban ngành liên quan tổ chức kiểm tra giám sát, xử lý vi phạm trong hoạt động karaoke trên địa bàn mình quản lý.

**CHƯƠNG III
THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 13.- Thanh tra chuyên ngành văn hóa thông tin, các sở - ngành nêu tại Điều 12 và Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định này và các quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động karaoke, xử lý nghiêm những vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 14.- Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tại Việt Nam khi thực hiện tổ chức hoạt động karaoke trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vi

phạm quy định này và các quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 15.- Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn để thực hiện sai các quy định của pháp luật trong việc quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động karaoke nơi công cộng tại quy định này và các quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16.- Sở Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm phối hợp với các sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận-huyện tăng cường các biện pháp quản lý Nhà nước và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này; tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch hoạt động karaoke trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo hướng khuyến khích phát triển hình thức hát karaoke tập thể, hát karaoke trong sảnh phòng lớn nhằm lành mạnh hóa môi trường sinh hoạt hát karaoke; báo cáo kịp thời những vấn đề phát sinh, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ